TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2023/DS-ST Ngày: 10 - 02 - 2023 Về vụ:*"Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản".*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Chí;
2. Ông Lê Văn Tuyển.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa *tham gia phiên tòa:* Ông Hà Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: H, sinh năm 1968; Q, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Cùng có đơn xin vắng mặt.*

- *Bị đơn:* L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Cùng vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn H, Q trình bày:* Ngày 22/10/2018, vợ chồng ông T, bà L vay của vợ chồng bà H, ông Q số tiền: 20.000.000đ và ngày 15/6/2019 vay số tiền 20.000.000đ, tổng cộng: 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng),* bà L viết giấy nợ các khoản tiền nói trên. Các bên thỏa thuận đến tháng 9/2019 sẽ trả nhưng sau đó vợ chồng bà L, ông T không trả mà bỏ đi khỏi địa phương, không liên lạc được. Vợ chồng bà H, ông Q làm đơn tố cáo vợ chồng bà L đến Công an huyện Tây Hòa. Vào ngày 07/5/2020, tại Công an huyện Tây Hòa, vợ chồng ông T, bà L và vợ chồng ông Q, bà H lập "Giấy tự nguyện thỏa thuận", theo đó vợ chồng ông T, bà L thừa nhận nợ số tiền 40.000.000đ nói trên, cam kết trả dần cho vợ chồng ông Q, bà H, mỗi tháng 1.000.000đ, bắt đầu từ 6/2020 đến 02/2022. Sau

khi lập "Giấy tự nguyện thỏa thuận", vợ chồng ông T chỉ thực hiện trả nợ 03 tháng, với tổng số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Số tiền còn lại 37.000.000đ *(Ba mươi bảy triệu đồng)* đến nay không trả.

Vì vậy, vợ chồng bà H, ông Q đề nghị Tòa buộc vợ chồng bà L, ông T trả số nợ 37.000.000đ *(Ba mươi bảy triệu đồng)*. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

**Bị đơn L, ông T* vắng mặt tại địa phương, đã được thông báo tìm kiếm theo quy định, đến nay đã hết thời hạn thông báo nhưng vẫn vắng mặt, không nộp bản ý kiến; đồng thời, nguyên đơn có đơn yêu cầu không hòa giải nên Toà án nhân dân huyện Tây Hòa không tiến hành hoà giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bị đơn trả nợ vay cho nguyên đơn số tiền 37.000.000đ *(Ba mươi bảy triệu đồng)*. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, đã được thông báo tìm kiếm theo quy định *(Quyết định số 07/2022/QĐST-VDS ngày 11/8/2022; Quyết định số 76/QĐ-TA ngày 29/8/2022 về việc chấp nhận và thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông T, bà L, thời gian phát thông báo tìm kiếm lần đầu: Ngày 31/8/2022)*, đến nay đã hết thời hạn thông báo nhưng ông T, bà L vẫn vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xác định người vay tiền, số tiền vay:

Ông Q, bà H khai vợ chồng ông T, bà L vay số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)* và cung cấp 02 *(Hai)* giấy nợ đề ngày 22/10/2018 và 15/6/2019 có nội dung bà L vay tiền bà H, có chữ ký của bà L *(Trong 02 giấy nợ trên không có tên và chữ ký của ông T);* đồng thời cung cấp 01 "Giấy tự nguyện thỏa thuận" lập ngày 07/5/2020, có nội dung vợ chồng ông T, bà L thừa nhận nợ vợ chồng bà H số tiền 40.000.000đ nêu trên, có chữ ký của ông T, bà L.

Như vậy, đủ cơ sở xác định người vay tiền là vợ chồng ông T, bà L và số tiền vay là 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)* như nguyên đơn khai là sự thật.

[3] Bà H, ông Q khai sau khi viết thỏa thuận, bà L, ông T đã trả 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, còn 37.000.000đ *(Ba mươi bảy triệu đồng)* đến nay chưa trả.

Xét: Trong quá trình giải quyết, ông T, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn nên đủ cơ sở xác định vợ chồng ông T, bà L còn nợ ông Q, bà H số tiền: 37.000.000đ *(Ba mươi bảy triệu đồng)* đúng như nguyên đơn khai.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông T, bà L phải trả cho nguyên đơn số tiền: 37.000.000đ *(Ba mươi bảy triệu đồng)*.

[4] Về lãi xuất: Nguyên đơn không yêu cầu lãi nên không xét.

[5] Về án phí: Bị đơn ông T, bà L phải chịu:1.850.000đ. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn: 925.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông T, bà L phải trả nợ vay cho vợ chồng ông Q, bà H số tiền: 37.000.000đ *(Ba mươi bảy triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông T, bà L phải chịu:1.850.000đ *(Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn H số tiền: 925.000đ *(Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* đã thu tại Biên lai thu tiền số 0002259 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Huệ